TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 08/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Ông Phạm Đăng Doanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 08/03/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 23/01/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 22/02/2019 đối với bị cáo:

Q sinh năm 1985, tại xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn Đ, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con bà T (bị cáo không có bố); chồng C và có 03 con lớn nhất 14 tuổi nhỏ nhất 05 tuổi; tiền sự không; tiền án không; về nhân thân ngày 26/9/2018 trộm cắp 130.000 đồng bị Công an huyện YK xử phạt hành chính 1.000.000 đồng; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q: Ông Phạm Duy Hưng là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bị hại: Chị D sinh năm 1987; địa chỉ xóm 10B, xã KN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DVỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dvụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/10/2018 Q viết đơn tự thú về hành vi trộm cắp tiền của chị D; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YK đã tiếp nhận thông tin, điều tra xác minh, kết quả như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 11/07/2018 Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35K1-281.28 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn giầy Chung Jye, có trụ sở tại xã KN,

huyện YK để làm việc và để xe tại lán xe số 4 của Công ty. Cùng lúc đó chị D cũng điều kiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-017.27 đến và để xe mô tô phía sau xe mô tô của Q; Q nhìn thấy chị D mở yên xe mô tô rồi bỏ chiếc ví vào trong cốp xe và đóng yên xe mô tô lại rồi đi vào trong xưởng, Q nảy sinh ý định lấy tiền của chị D. Chờ cho chị D đi vào trong xưởng, Q đi đến đứng bên trái xe mô tô của chị D, dùng tay trái nâng yên xe mô tô của chị D lên, tay phải Q móc vào trong cốp xe mô tô lấy chiếc ví ra và mở ví lấy 5.000.000 đồng bỏ vào túi quần của Q, còn chiếc ví Q cheo vào móc xe mô tô của chị D, rồi Q đi vào trong xưởng để làm việc. Cùng ngày Q dùng số tiền trộm cắp được của chị D trả nợ cho chị H 2.500.000 đồng, trả cho chị HO 1.500.000 đồng, trả cho chị A 1.000.000 đồng.

Cáo trạng số 11/CT-VKSYK ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Q về tội "Trộm cắp tài sản" như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo Q trong thời gian cải tạo không giam gữ; buộc bị cáo Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Q khai: Q nhìn thấy chị D mở yên xe mô tô của chị D bỏ chiếc ví vào trong cốp xe rồi đi vào trong xưởng, do nợ nần nhiều nên Q đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị D, chờ cho chị D đi vào trong xưởng, Q đi đến dùng tay trái nâng yên xe mô tô của chị D lên và móc vào trong cốp xe lấy chiếc ví ra và mở ví lấy 5.000.000 đồng của chị D.

Ông Hưng bào chữa cho bị cáo Q trình bày: Bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo; sau khi phạm tội đã tự thú; tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36; khoản 1 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q với mức án thấp nhất; áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho bị cáo Q.

Nói lời sau cùng bị cáo Q đề nghị, bị cáo phạm tội cũng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nợ nần nhiều mà không có khả năng trả nợ; bị cáo lại đang phải nuôi ba con còn nhỏ, nay bị cáo phạm tội bị xét xử bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo rất lo và thương cho ba đứa con của bị cáo còn quá nhỏ; bị cáo hứa sẽ chấp hành mọi phán quyết của Tòa án, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 7 giờ ngày 11/7/2018 Q đến Công ty trách nhiệm hữu hạn giầy Chung Jye, trụ sở tại xã KN, để làm việc và để xe mô tô tại lán xe số 4 của Công ty. Cùng lúc đó chị D cũng điều kiển xe mô tô đến và để xe mô tô phía sau xe mô tô của Q; Q nhìn thấy chị D mở yên xe mô tô rồi bỏ chiếc ví vào trong cốp xe và đóng yên xe mô tô lại rồi đi vào trong xưởng, chờ cho chị D đi vào trong xưởng, Q đi đến đứng bên trái xe mô tô của chị D, dùng tay trái nâng yên xe mô tô lên, tay phải Q móc vào trong cốp xe mô tô lấy chiếc ví ra và mở ví lấy 5.000.000 đồng của chị D bỏ vào túi quần của Q.

Hành vi lén lút lấy và chiếm đoạt của chị D với số tiền là 5.000.000 đồng, của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong xã hội, hành vi của bị cáo Q đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vào các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Q phạm vào tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 5 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo còn có hoàn cảnh gia đình khó khăn nằm trong hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình và đang phải nuôi dưỡng ba con còn nhỏ trong đó cháu nhỏ nhất mới có 5 tuổi, để tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện lao động sản xuất, xây dựng kinh tế gia đình và chăm lo nuôi dạy con cái, nên xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo.

Bị cáo Q thuộc hộ cận nghèo, do vậy cho miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn đề nghị của chị D thể hiện chị D đã nhận lại số tiền là 5.000.000 đồng, nên Tòa án không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[6] Trong vụ án này chị H, chị HO, chị A là những người được Q trả nợ tiền

vay bằng tiền do Q phạm tội mà có, nhưng chị H, chị HO, chị A đều không biết số tiền Q trả nợ là do phạm tội mà có; nên hành vi của các chị H, chị HO, chị A đều không có dấu hiệu tội phạm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Bị cáo Q bị xử có tội, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, ông Hưng bào chữa cho bị cáo có đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo, nhưng do bị cáo Q không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Q 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo Q trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo Q có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Q có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là chị D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Công an huyện YK
- Bị cáo,
- Luật sư
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lực